

**KẾ HOẠCH**

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước,  
phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng  
giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Thái Bình**

Thực hiện Công văn số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15/7/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan nhà nước phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2021. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Thái Bình như sau:

**Phần I**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG  
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN  
NHÀ NƯỚC TỈNH THÁI BÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Căn cứ kết quả đã thực hiện, tổng hợp đánh giá hiện trạng thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Kế hoạch số 198-KH/TU ngày 29/11/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá XII về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 3307/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016 -2020;

- Kế hoạch hành động số 15/KH-UBND ngày 04/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

- Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp hỗ trợ tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030;



- Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của tỉnh Thái Bình;
- Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, Phiên bản 1.0;
- Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình giai đoạn 2017-2020;
- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;
- Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 27/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2017-2025;
- Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong việc tiếp nhận hồ sơ, thực hiện và trả kết quả thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Thái Bình;
- Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình;
- Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 17/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025 của tỉnh Thái Bình;
- Chương trình hành động số 43/CTHĐ-UBND ngày 08/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về chiến lược an ninh mạng quốc gia của tỉnh Thái Bình;
- Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng Mạng Văn phòng điện tử liên thông trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị tỉnh Thái Bình;
- Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính qua

dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2019-2020;

- Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện trong năm 2020 và những năm tiếp theo của tỉnh Thái Bình;

- Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

## **II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

- Cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước cơ bản được đầu tư đáp ứng nhu cầu khai thác sử dụng các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và xử lý công việc cụ thể như sau:

- Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC là 100%;

- Tỷ lệ các cơ quan trực thuộc có LAN là 100%;

- Tỷ lệ các mạng LAN kết nối WAN của tỉnh và kết nối Internet tốc độ cao là 100%.

- 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện có trang bị thiết bị tường lửa lớp mạng (Firewall) để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống mạng nội bộ của cơ quan, đơn vị.

- Mạng diện rộng của tỉnh: Là mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp 2 kết nối các mạng nội bộ của 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn tỉnh nhằm đồng bộ cơ sở hạ tầng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và kết nối thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền.

- Trung tâm Tích hợp dữ liệu (THDL) của tỉnh: Đã được đầu tư nhiều máy chủ có cấu hình cao để thực hiện công nghệ ảo hóa; thiết bị mạng, thiết bị tường lửa lớp mạng, thiết bị phát hiện tấn công có chủ đích (APT), thiết bị bảo mật và lọc thư rác chuyên dụng, thiết bị quản lý chính sách và giải pháp để quản lý diệt virus tập trung cũng được quan tâm đầu tư; được Ban Cơ yếu chính phủ hỗ trợ giám sát an ninh mạng từ năm 2014 và hỗ trợ thiết bị chống tấn công có chủ đích nên cơ bản đáp ứng đề cài đặt triển khai cho các hệ thống thông tin dùng chung cho toàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu bảo mật tối thiểu để phát hiện được các tấn công vào máy chủ, tường lửa trong Trung tâm THDL của tỉnh.

## **III. CÁC HỆ THỐNG NỀN TẢNG**

1. Hệ thống nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu (LGSP) của tỉnh đã hoàn thành các chức năng cơ bản, hoàn thành kết nối liên thông giữa các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh Thái Bình (gồm: hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông, hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, Hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh, hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh) với các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia (gồm: hệ thống quản lý đăng ký doanh nghiệp, hệ thống quản lý lý lịch tư pháp, hệ thống quản lý hộ tịch, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống quản lý của Bảo hiểm xã hội thông

qua hệ thống nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu (NGSP) của Quốc gia; hoàn thành định tuyến sử dụng trên Mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp II (mạng diện rộng của tỉnh) để đảm bảo an toàn thông tin mạng và thực hiện đúng quy định của Cục Bru điện Trung ương. Đang hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu chính thức đưa vào vận hành hệ thống này trong quý 4/2020.

2. Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung của tỉnh đã được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2018 có địa chỉ: <https://csdl.thaibinh.gov.vn>. Đã thực hiện kết nối với hệ thống LGSP của tỉnh; hệ thống thực hiện phân cấp quản lý theo trách nhiệm quản lý của cơ quan nhà nước có dữ liệu để tạo thuận lợi trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung trong toàn tỉnh.

3. Hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh có địa chỉ <https://thaibinh.gov.vn>: Gồm cổng chính và 27 cổng thành phần của 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện triển khai xây dựng từ năm 2010. Năm 2018 đã thực hiện nâng cấp để đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. 100% thủ tục hành chính được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cổng thành phần của các cơ quan, đơn vị đảm bảo truy cập thuận tiện, công khai thông tin tới mọi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hệ thống có thể tích hợp với các hệ thống thông tin khác thuộc tỉnh thông qua hệ thống LGSP của tỉnh. Đang thực hiện các thủ tục để triển khai hệ thống cổng thông tin điện tử đến cấp xã, dự kiến hoàn thành triển khai hệ thống cổng thông tin điện tử đến 260 xã, phường, thị trấn của tỉnh trong năm 2020.

#### **IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU**

##### **1. Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh**

Dữ liệu trong cơ quan nhà nước của tỉnh bước đầu được tổ chức thống nhất. Một số cơ sở dữ liệu đang được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan nhà nước đang từng bước được chuẩn hóa, chuyển đổi, tích hợp lên hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh để chia sẻ phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước tuân thủ quy định của pháp luật trong việc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu dùng chung của tỉnh như:

- CSDL cán bộ công chức;
- CSDL xác thực người dùng;
- CSDL văn bản;
- CSDL ngành Thông tin và Truyền thông;
- CSDL Quy hoạch xây dựng (chuẩn hóa và tích hợp 08 Quy hoạch chung của Thành phố và các thị trấn; 17 Quy hoạch chi tiết trên địa bàn tỉnh);
- CSDL cung cấp thông tin đất đai (chuẩn hóa và chuyển đổi được các Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện điều chỉnh giai đoạn 2016 – 2020. Chuẩn hóa, chuyển đổi 60% CSDL thửa đất của thành phố và các huyện trên địa bàn tỉnh);
- Đang thực hiện tạo lập và chuẩn hóa CSDL ngành Giao thông vận tải; CSDL khu kinh tế, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; CSDL các di tích quốc

gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh đảm bảo tính thống nhất về chia sẻ, khai thác và kết nối thông tin với các CSDL đã có của tỉnh;

- Phần mềm công khai thông tin đang được xây dựng, dự kiến đưa vào sử dụng trong quý 4/2020 sẽ thực hiện công khai minh bạch thông tin các CSDL dùng chung của tỉnh theo các quy định hiện hành để góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh, hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp.

## 2. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Đã xây dựng, triển khai nhiều hệ thống thông tin và CSDL chuyên ngành, điển hình như: các CSDL của ngành Tài nguyên và Môi trường; Ngành Tài chính; ngành Lao động, Thương binh và Xã hội; ngành Y tế, ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Nông nghiệp... Tuy nhiên các CSDL chuyên ngành chưa được xây dựng dựa trên nền tảng một mô hình kiến trúc tổng thể chính quyền điện tử cấp tỉnh nói chung cũng như mô hình tổng thể về hệ thống CSDL chuyên ngành cấp tỉnh nói riêng nên chưa đáp ứng được nhu cầu chia sẻ, trao đổi, tổng hợp, khai thác dữ liệu liên ngành; công nghệ triển khai các CSDL không đồng bộ do từng hạng mục CSDL được triển khai theo từng năm, công nghệ được lựa chọn tại mỗi thời điểm là khác nhau. Do đó việc chia sẻ, trao đổi, tích hợp thông tin giữa các CSDL hầu như không có.

## V. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

1. Các ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước

a) Hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông của tỉnh có địa chỉ: <https://mvp.thaibinh.gov.vn>: Triển khai sử dụng trong toàn tỉnh (kể cả khối Đảng, khối chính quyền và các cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh) từ năm 2012. Đang thực hiện nâng cấp để thực hiện gửi nhận văn bản liên thông từ các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện với Văn phòng Chính phủ qua Trục liên thông văn bản quốc gia theo đúng sự chỉ đạo Văn phòng Chính phủ và các quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ.

b) Hệ thống thư điện tử của tỉnh: Đã thực hiện cấp tài khoản cho 100% cán bộ công chức của tỉnh để thực hiện trao đổi thông tin, văn bản điện tử với các doanh nghiệp, các cơ quan của bộ, ngành và Trung ương.

c) Hệ thống họp trực tuyến: Năm 2018 tỉnh đã triển khai thuê hệ thống hội nghị truyền hình tại 09 điểm cầu: UBND tỉnh và 08 Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, hệ thống hội nghị truyền hình cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu họp trực tuyến giữa Ủy ban nhân dân tỉnh, một số sở, ban, ngành của tỉnh với Trung ương; giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các huyện, thành phố.

Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid 19, tỉnh đã tích cực chủ động triển khai các giải pháp kỹ thuật, huy động sự vào cuộc của các doanh nghiệp viễn thông, đội ứng cứu an toàn thông tin của tỉnh để hướng dẫn cài đặt ứng dụng; hỗ trợ vận hành kỹ thuật trước và trong cuộc họp trực tuyến đảm bảo chất lượng đường truyền và tín hiệu thông suốt nhằm kịp thời tổ chức triển khai họp trực tuyến các cuộc họp của Ban Chỉ đạo công tác phòng, chống dịch Covid-19 tới các xã, phường, thị trấn và các tổ chức có liên quan với tổng số 12 cuộc họp trực



tuyển; số điểm câu phục vụ bình quân của mỗi phiên họp là: 296 điểm; Số lượng người tham gia tại mỗi điểm câu: 10-15 người tham dự. Bên cạnh đó 50% số cán bộ công chức, viên chức của tỉnh đã sử dụng các hệ thống ứng dụng CNTT của tỉnh, của ngành để làm việc trực tuyến; giáo viên các trường học trong tỉnh đẩy mạnh dạy học trực tuyến nên các hoạt động về chuyên môn, chỉ đạo, điều hành vẫn diễn ra bình thường trong thời gian có dịch.

d) Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh: Đang triển khai thử nghiệm, đã đưa dữ liệu kinh tế - xã hội và một số dữ liệu chuyên ngành vào hệ thống thông tin báo cáo. Đang thực hiện chuyển giao đào tạo cho các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện để thực hiện báo cáo theo các chỉ tiêu quy định của Chính phủ.

e) Các hệ thống thông tin triển khai theo ngành dọc, phục vụ hoạt động chuyên ngành cơ bản được ứng dụng trong hoạt động quản lý, phục vụ chuyên môn của từng cơ quan. Hầu hết các phần mềm chưa đồng bộ và thống nhất nên việc sử dụng và khai thác dữ liệu chuyên ngành còn nhiều bất cập.

## 2. Các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh có địa chỉ: <https://dichvucong.thaibinh.gov.vn>: Đã thực hiện thuê để triển khai trong toàn tỉnh từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tới 100% bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã. Đã hoàn thành kết nối tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo đúng lộ trình. Thực hiện cập nhật tài khoản dùng để thanh toán phí, lệ phí của các cơ quan đăng ký lên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và Cổng dịch vụ công Quốc gia để phục vụ thanh toán trực tuyến trong quá trình giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Hoàn thành tích hợp với hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ Quốc gia, hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tỉnh đã hoàn thành triển khai kết nối liên thông Cổng dịch vụ công trực tuyến với Hệ thống tiếp nhận và trả kết quả bưu chính công ích của Bưu điện tỉnh, hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông để sẵn sàng hỗ trợ tăng cường triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên toàn tỉnh.

### b) Thực hiện công khai thông tin

Đã thực hiện đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị có liên quan để:

- Công khai thông tin quy hoạch xây dựng gồm các thông tin cơ bản về quy hoạch xây dựng như: Chức năng sử dụng đất, diện tích, mật độ xây dựng, tầng cao công trình, bản đồ pháp lý, thuyết minh và quyết định phê duyệt tại vị trí quan tâm trên địa chỉ <http://quyhoach.thaibinh.gov.vn>.

- Công khai thông tin đất đai gồm thông tin quy hoạch sử dụng đất và các thông tin cơ bản của thửa đất như: phường/xã, số tờ bản đồ, số hiệu thửa đất, địa chỉ thửa đất, diện tích, mục đích sử dụng và tình trạng pháp lý thửa đất tại vị trí quan tâm trên địa chỉ <http://datdai.thaibinh.gov.vn>.



### c) Các dịch vụ triển khai thí điểm đô thị thông minh

Bước đầu thí điểm xây dựng ứng dụng người dân và doanh nghiệp với tên gọi Smart Thái Bình trên 02 nền tảng là Ios và Android với các nhóm chức năng như tra cứu, phản ánh hiện trường, tiện ích...

## **VI. NGUỒN NHÂN LỰC**

Đã kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình; Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo.

Tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, số công chức có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin là 50 người thực hiện phụ trách công nghệ thông tin và quản trị mạng (trong đó 24 người có trình độ đại học, trên đại học chuyên ngành CNTT và tương đương); Tại các cơ quan nhà nước cấp huyện, số công chức có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin là 21 người thực hiện phụ trách công nghệ thông tin và quản trị mạng (trong đó: 07 người có trình độ đại học, trên đại học chuyên ngành CNTT và tương đương); 100% cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện được tập huấn, đào tạo có kỹ năng sử dụng, khai thác các ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh để triển khai phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng.

Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh được thành lập với các thành viên là cán bộ phụ trách CNTT hoặc quản trị mạng tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện; đội ngũ này được đào tạo, tập huấn và tham gia diễn tập ứng phó sự cố hàng năm. Năm 2020, tỉnh đã tổ chức 02 khóa đào tạo chuyên sâu (cho 50 lượt người) về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin mạng cho công chức, viên chức phụ trách CNTT của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện.

Tuy nhiên, cán bộ phụ trách về CNTT tại các cơ quan, đơn vị còn thiếu; một số cơ quan còn phải bố trí cán bộ kiêm nhiệm do chưa tuyển được cán bộ có trình độ CNTT; kiến thức, kinh nghiệm về quản trị mạng và an toàn thông tin chưa theo kịp nhu cầu thực tế.

## **VII. AN TOÀN THÔNG TIN**

### 1. Tình hình thực thi bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Ngày 22/3/2019, tỉnh đã phê duyệt cấp độ an toàn cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh Thái Bình gồm: Hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh, hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông và hệ thống Thư điện tử của tỉnh. Các hệ thống thông tin này đảm bảo đáp ứng yêu cầu tối thiểu an toàn thông tin cấp độ 3 theo các quy định hiện hành.

### 2. Tình hình triển khai Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC):

Năm 2019, tỉnh Thái Bình được Công ty cổ phần BKAV tài trợ cơ sở hạ tầng ban đầu cho Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng gồm các thiết bị bảo mật, thiết bị hiển thị và phần mềm để phát hiện kịp thời và phòng chống các dạng tấn công như: Tấn công từ chối dịch vụ (DOS), dò quét cổng và khai thác lỗ hổng đối với các hệ thống thông tin dùng chung trong Trung tâm THDL của tỉnh; Trung tâm vừa được Công ty cổ phần BKAV nâng cấp phần mềm với

phiên bản mới nhất nên có khả năng giám sát nhằm bảo đảm an toàn cho 100% các hệ thống thông tin dùng chung trong Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.

3. Tỉnh Thái Bình đã triển khai đầu tư bổ sung thiết bị cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh trong những năm qua nên cơ bản bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp, cụ thể như sau:

- Lớp 1 - Lực lượng tại chỗ: Đã thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Thái Bình theo quyết định số 178/QĐ-BCĐ ngày 12/7/2019 của Ban chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử về việc kiện toàn đội ứng cứu sự cố ANTT mạng tỉnh Thái Bình, trong đó giao cho đồng chí Phó giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông là đội trưởng, chỉ đạo và điều hành công tác an toàn, an ninh mạng. Đã đăng ký tham gia mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Trung tâm VNCERT, Cục An toàn thông tin làm điều phối.

- Lớp 2 - Tổ chức hoặc thuê doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp: Các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh Thái Bình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ký thỏa thuận hợp tác với Ban Cơ yếu Chính phủ về giám sát an toàn thông tin mạng từ năm 2014; định kỳ hàng tháng Ban Cơ yếu Chính phủ đều có các báo cáo giám sát về an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung trong Trung tâm dữ liệu của tỉnh.

- Lớp 3 - Tổ chức hoặc độc lập kiểm tra, đánh giá định kỳ: Năm 2019 và năm 2020 (*đang tiến hành*) đã thuê và phối hợp với một số đơn vị độc lập (được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép) để đánh giá một số hạng mục về an toàn thông tin. Doanh nghiệp được thuê và phối hợp bao gồm: BKAV và CMC.

- Lớp 4 - Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia: Đã kết nối chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia của Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông. Đã đăng ký với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia các địa chỉ IP public của các cơ quan, tổ chức nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Tình hình kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật:

Hàng năm, tiến hành thuê/phối hợp với các doanh nghiệp đánh giá an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của tỉnh. Năm 2019 đánh giá 01 hệ thống Cổng thông tin điện tử. Năm 2020 đang tiến hành đánh giá 05 hệ thống bao gồm: hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến, hệ thống quản lý văn bản và điều hành (Mạng Văn phòng điện tử liên thông), hệ thống Cổng thông tin của tỉnh và một số cổng thông tin điện tử của các đơn vị liên quan.

5. Tình hình lây nhiễm và xử lý, bóc gỡ mã độc.

Từ năm 2015 đến 2019, theo báo cáo của Ban Cơ yếu Chính phủ đã ghi nhận: 33.778 cảnh báo truy cập trái phép; 1.637 xác thực dò quét mật khẩu; 9.139 mã độc, virus, trojan, botnet; 64.653 khai thác lỗ hổng bảo mật; 28 tấn công DDOS; 5.924 vi phạm chính sách. Ban Cơ yếu Chính phủ đã phối hợp với tỉnh Thái Bình để xử lý các lỗ hổng bảo mật, mã độc và khắc phục các vi phạm về chính sách.





6. Số liệu ghi nhận về tấn công mạng, ứng cứu, khắc phục sự cố.

Tổng số các cuộc tấn công mạng từ năm 2015 đến 2019 vào Trung tâm dữ liệu ghi nhận được là 115.159 vụ tấn công nhưng không thành công.

Số lượng các cuộc ứng cứu, khắc phục sự cố trên phạm vi toàn tỉnh là: 06 vụ.

7. Tình hình tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng.

Đã tạo lập chuyên trang An toàn thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, qua đó giúp phổ biến và nâng cao nhận thức về an toàn thông tin trên địa bàn.

8. Tình hình tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng.

- Định kỳ hàng năm đều tổ chức các cuộc diễn tập về an toàn thông tin cho các cán bộ là thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh.

- Năm 2019, phối hợp với Cục An toàn thông tin, Cục Tin học hóa của Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức 02 Hội thảo chính phủ số - Giải pháp triển khai kết nối liên thông các hệ thống thông tin qua hệ thống nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu từ trung ương đến địa phương; hội thảo giám sát và bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống liên thông phục vụ chính quyền điện tử trong 02 ngày với 500 đại biểu tham gia đồng thời tổ chức diễn tập giám sát, điều tra và xử lý sự cố an toàn an ninh mạng cho hệ thống chính phủ điện tử (với sự tham gia của Đội ứng cứu sự cố các tỉnh đồng bằng Sông Hồng). Phối hợp với HIPT tổ chức hội thảo về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và đảm bảo an toàn thông tin trong tình hình mới trong 01 ngày với hơn 100 đại biểu tham gia.

- Năm 2020, phối hợp với Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông - Học viện Bưu chính Viễn thông tổ chức 02 lớp đào tạo chuyên sâu về bảo mật và an toàn thông tin cho 50 lượt cán bộ công chức phụ trách CNTT và thực hiện quản trị mạng tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh cấp huyện.

9. Xây dựng Kế hoạch triển khai ứng phó sự cố

Hàng năm đều xây dựng Kế hoạch triển khai ứng phó sự cố, triển khai các hoạt động của đội ứng cứu sự cố và tham gia vào các hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia.

## VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự án Chương trình mục tiêu về CNTT giai đoạn 2016-2020

Dự án đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình thuộc Chương trình mục tiêu về CNTT giai đoạn 2016-2020 được Trung ương bố trí 12.000 triệu đồng và tạm ứng vốn đối ứng của tỉnh 8.000 đồng, trong đó bố trí 12.411 triệu đồng để triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng phần mềm quản lý CSDL dùng chung toàn tỉnh.
- Mua sắm bổ sung thiết bị máy chủ, phần mềm ảo hóa và một số thiết bị khác.
- Đầu tư xây dựng hệ thống nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) của tỉnh.



- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh và 27 cổng thành phần để kết nối, liên thông.

- Xây dựng CSDL xác thực người dùng.

\* Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội đã thực hiện tài trợ đầu tư bổ sung cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh thuộc các hạng mục của Dự án là: 2.781,690 triệu đồng.

2. Các nhiệm vụ sự nghiệp vốn Trung ương: Được bố trí 7.030 triệu đồng để thực hiện:

- Tạo lập, chuẩn hóa, chuyển đổi CSDL chuyên ngành để tích hợp vào hệ thống Quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và tuyên truyền thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

3. Các nhiệm vụ sự nghiệp vốn tỉnh được bố trí thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thuê hệ thống hội nghị truyền hình tỉnh Thái Bình giai đoạn 2018-2022: 1.057 triệu đồng/năm;

- Thuê dịch vụ vận hành, triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2019-2024: 1.122 triệu đồng/năm;

- Tạo lập, chuyển đổi CSDL chuyên ngành vào hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh: 5.994 triệu đồng.

4. Tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020:

- Được bố trí 7.589 triệu đồng từ dự án Chương trình mục tiêu về CNTT giai đoạn 2016-2020 để thực hiện: Mua sắm thiết bị bảo mật cho Web, thiết bị cảnh báo giám sát tấn công mạng và thiết bị tường lửa tích hợp cho 24 cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện; đầu tư thiết bị quản lý chính sách và giải pháp để quản lý diệt virus tập trung (trong đó có licence phần mềm phòng chống virus tập trung (Endpoint) trong 03 năm) được cài đặt cho 100% máy tính của cơ quan nhà nước các cấp và đơn vị sự nghiệp trực thuộc;

- Được bố trí 1.760 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp để mua sắm bổ sung thiết bị tường lửa (thay thế cho 02 thiết bị cũ đã hết hạn sử dụng) và hệ thống nguồn dự phòng cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.

Tỷ lệ chi cho an toàn thông tin trong số tiền chi cho CNTT: khoảng 20%.

## **Phần II** **NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/3/2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 2.0;

Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, Phiên bản 1.0;

Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 17/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020 định hướng đến 2025 của tỉnh Thái Bình;

Chương trình hành động số 43/CTHĐ-UBND ngày 08/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về chiến lược an ninh mạng quốc gia của tỉnh Thái Bình;

Kế hoạch số 198-KH/TU ngày 29/11/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá XII về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện trong năm 2020 và những năm tiếp theo của tỉnh Thái Bình;

Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Thuận lợi**

Trong những năm qua, tỉnh đã triển khai đẩy mạnh các hệ thống ứng dụng CNTT dùng chung trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, bước đầu hình thành một số cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, hoàn thiện cơ sở hạ tầng và đảm bảo an toàn thông tin mạng theo đúng định hướng của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông nên cơ bản đã hình thành cơ sở hạ tầng ban đầu của Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình.

### **2. Khó khăn**

Là một tỉnh nông nghiệp nên còn rất khó khăn trong công tác bố trí nguồn vốn để đầu tư, hoàn thiện Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình.

### **3. Xu hướng chung**

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước các cấp, thực hiện chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số trên cơ sở hoàn thiện Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình và đảm bảo an toàn thông tin mạng để xây dựng đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025 là xu hướng chung của các địa phương trong cả nước trong đó có tỉnh Thái Bình.

## **III. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của tỉnh giai đoạn 2021-2025 góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình. Triển khai thực hiện thành công Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình; Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 trên cơ sở Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình đã được phê duyệt; thực hiện thành công Chương trình Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thái Bình và các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

Ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 với các nội dung chính như sau:

#### **a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước**

- 100% văn bản điện tử thực hiện trao đổi qua mạng (trừ văn bản mật); 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, 80% cơ quan nhà nước cấp xã xử lý hồ sơ công việc trên môi trường phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp của cơ quan nhà nước các cấp;

- 100% ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cán bộ, tài chính - kế toán và các nghiệp vụ chuyên ngành khác của tỉnh thực hiện trên môi trường mạng.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh đã được phê duyệt;

- Đẩy mạnh hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã để phục vụ nhân dân và doanh nghiệp ngày càng minh bạch, hiệu quả hơn;

- Thực hiện tăng cường tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để người dân, doanh nghiệp khai thác và sử dụng. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 từ cấp xã nhằm tạo mọi thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình.

c) Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục triển khai hoàn thiện và duy trì mô hình đảm bảo an toàn thông tin 04 lớp;

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp Trung tâm Giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh để đảm bảo đủ năng lực giám sát, điều hành, phát hiện, cảnh báo sớm các tấn công vào Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh và các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện; tiếp tục duy trì, triển khai cập nhật các giải pháp an toàn bảo mật tập trung của tỉnh;

- Tiếp tục phê duyệt bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 cho các hệ thống ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh;

- Tăng cường giám sát an toàn thông tin; bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin của tỉnh theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;

- Tăng cường đào tạo, tập huấn; hàng năm tổ chức diễn tập ứng cứu, khắc phục sự cố về an toàn thông tin mạng;

- Bảo đảm an toàn thông tin mạng để triển khai đô thị thông minh tỉnh Thái Bình trên các lĩnh vực.

#### **IV. NHIỆM VỤ**

Để bảo đảm khai thác triệt để hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu có quy mô quốc gia, đồng thời bảo đảm sự kết nối giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống của bộ, ngành, Trung ương bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình; triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp, tỉnh cần triển khai thực hiện những nhiệm vụ sau:

##### **1. Hoàn thiện môi trường pháp lý**

Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản, kế hoạch, quy định nhằm tạo cơ sở, môi trường pháp lý để triển khai hoạt động ứng dụng CNTT, triển khai xây dựng

Chính quyền điện tử, đô thị thông minh của địa phương. Kịp thời triển khai các văn bản của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông về xây dựng Chính quyền điện tử, triển khai đô thị thông minh tại địa phương.

## **2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật**

- Tiếp tục nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã nhằm đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử đến cấp xã như: đầu tư máy tính để thay thế các máy tính quá cũ, lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu công việc; đầu tư hạ tầng mạng, nâng dung lượng kết nối đường truyền Mạng diện rộng của tỉnh; đầu tư hạ tầng an toàn thông tin theo hướng đồng bộ, thống nhất.

- Tăng cường tạo lập, chuyển đổi, chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành của tỉnh phục vụ nhu cầu khai thác của các cơ quan nhà nước trong triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; tích hợp, kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, theo ngành dọc và kết nối liên thông nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng.

- Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng của Đô thị thông minh bao gồm: Mạng viễn thông băng rộng đa dịch vụ (gồm: mạng cáp quang, 3G/4G/5G, Wifi đô thị, ...); hệ thống Internet vạn vật: (gồm: Camera giám sát giao thông, giám sát an ninh công cộng; hệ thống cảm biến, đầu đo của các hệ thống kiểm soát, giám sát các hoạt động đô thị như giao thông, môi trường...); hạ tầng CNTT để đảm bảo các hoạt động của các hệ thống ứng dụng CNTT (gồm: Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh; nền tảng tích hợp, BigData.);

- Đầu tư thuê Trung tâm dữ liệu dự phòng của tỉnh.

## **3. Phát triển các hệ thống nền tảng**

Phát triển các hệ thống nền tảng cho phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, đô thị thông minh (gồm: các hệ thống nền tảng đặc thù của Chính quyền số, đô thị thông minh; chuyển đổi số...);

## **4. Phát triển dữ liệu**

Thực hiện kết nối đồng bộ, thống nhất với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã triển khai của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do các Bộ, ngành, Trung ương triển khai bảo đảm kết nối, chia sẻ và liên thông các cấp thông qua hệ thống LGSP của tỉnh đồng thời tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các văn bản hướng dẫn khác của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình.



## **5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ**

- Phát triển, hoàn thiện các ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước (gồm: Mạng Văn phòng điện tử liên thông phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành trong toàn tỉnh; mở rộng hệ thống họp trực tuyến đến cấp xã, triển khai thuê Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia ...);

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp (gồm: đẩy mạnh sử dụng Cổng dịch vụ công trực tuyến để cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp; triển khai có hiệu quả cổng thông tin điện tử của cấp xã; triển khai dịch vụ đô thị thông minh trên các lĩnh vực; triển khai hệ thống tương tác giữa chính quyền và người dân ...);

- Tiếp tục triển khai, thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình;

- Triển khai các nội dung, nhiệm vụ của Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;

- Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thái Bình.

## **6. Bảo đảm an toàn thông tin**

- Xây dựng, ban hành, rà soát, cập nhật các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh;

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Công nghệ thông tin và Giám sát an ninh mạng - Ban Cơ yếu Chính phủ trong việc đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh;

- Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp (Kiện toàn lực lượng tại chỗ; có tổ chức hoặc doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập; thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát Quốc gia) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Công nghệ thông tin và Giám sát an ninh mạng - Ban Cơ yếu Chính phủ trong việc giám sát đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh;

- Hoàn thành nâng cấp và duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) của tỉnh; thực hiện kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia; áp dụng quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của Trung tâm SOC của tỉnh để giám sát, cảnh báo sớm và kịp thời xử lý sự cố đối với Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh; hệ thống mạng máy tính của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã;

- Tiếp tục cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn cho hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung; tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan nhà nước trên địa bàn thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng tại các cơ quan, đơn vị;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng (nếu có);

- Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo hoặc cử cán bộ phụ trách, công nghệ thông tin, cán bộ quản trị mạng tham gia các khóa đào tạo quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin;

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, các tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn;

- Định kỳ hàng năm tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ phụ trách về CNTT của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh;

- Kiện toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tham gia tích cực vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng;

- Chỉ đạo doanh nghiệp, tổ chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện rà soát, đánh giá, có biện pháp tăng cường bảo đảm an toàn thông tin đối với các hệ thống hạ tầng thông tin do doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành;

- Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm, giai đoạn 5 năm và các dự án công nghệ thông tin.

## **7. Phát triển nguồn nhân lực**

- Đào tạo, nâng cao nhận thức cho lãnh đạo các cấp về chuyển đổi số, Chính quyền điện tử, đô thị thông minh tỉnh Thái Bình;

- Truyền thông về triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, Phiên bản 2.0; Kiến trúc ICT xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình; các dịch vụ của Chính quyền điện tử, đô thị thông minh tỉnh Thái Bình;

- Lồng ghép đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức về kỹ năng số, kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin dùng chung và chuyên ngành khi triển khai thực hiện các dự án;

- Đào tạo, tập huấn các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống; an toàn thông tin mạng cho cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, cán bộ quản trị mạng.



## **V. GIẢI PHÁP**

### **1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp**

- Tăng cường truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, doanh nghiệp tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính quyền số, đô thị thông minh;

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; xây dựng các hệ thống để tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước với người dân và doanh nghiệp;

- Phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân để tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ của đô thị thông minh;

- Đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học.

### **2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp**

- Phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, các ứng dụng của doanh nghiệp;

- Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số trên hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trên các bảng tin điện tử công cộng của tỉnh.

### **3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ**

Triển khai các hoạt động nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số như: Điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối ... vào triển khai Chính quyền điện tử, Chính quyền số, đô thị thông minh của tỉnh Thái Bình.

### **4. Phát triển nguồn lực công nghệ thông tin**

- Triển khai các hoạt động nhằm thu hút, đa dạng hoá nguồn lực để phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, đô thị thông minh và bảo đảm an toàn thông tin mạng;

- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình; nâng cao vai trò người đứng đầu các cơ quan nhà nước; phát huy tối đa vai trò quản lý nhà nước, tổ chức triển khai ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử, Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình trong giai đoạn tới;

- Xây dựng, ban hành các chính sách thu hút nguồn nhân lực CNTT về làm việc trong cơ quan nhà nước các cấp.

### **5. Tăng cường hợp tác quốc tế**

Tổ chức thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế;

Tăng cường quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp số Việt Nam.



## **VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

*(Theo phụ lục 01 gửi kèm)*

## **VII. DỰ KIẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

- Năm 2021: Hoàn thành thực hiện các nội dung còn lại của Đề án: Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình; triển khai một số nội dung quan trọng có tính chất nền tảng để xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình như: Triển khai xây dựng phần mềm nền tảng đô thị thông minh của tỉnh Thái Bình..., tiếp tục tạo lập, chuẩn hóa, chuyển đổi cơ sở dữ liệu để dần hình thành dữ liệu lớn (BigData) của tỉnh. Đầu tư bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh để đáp ứng vận hành hệ thống LGSP của tỉnh.

- Năm 2022: Hoàn thành triển khai xây dựng phần mềm nền tảng đô thị thông minh của tỉnh Thái Bình trên cơ sở triển khai một số dịch vụ của đô thị thông minh tỉnh Thái Bình..., tiếp tục tạo lập, chuẩn hóa, chuyển đổi cơ sở dữ liệu để hình thành BigData của tỉnh. Hoàn thành đầu tư bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh để đáp ứng triển khai chương trình chuyển đổi số và các nội dung có liên quan của tỉnh.

- Năm 2023-2025: Hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh của tỉnh, hoàn thành triển khai các dịch vụ đô thị thông minh theo các nội dung của Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình đã được phê duyệt; hoàn thành chuyển đổi số, tích hợp, kết nối các cơ sở dữ liệu thành BigData để dùng chung trong toàn tỉnh.

## **VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Tổng kinh phí cả giai đoạn dự kiến: 1.521.177.180 triệu đồng, cụ thể như sau:

+ Năm 2021: 415.755,436 triệu đồng.

+ Năm 2022: 322.255,436 triệu đồng.

+ Năm 2023: 343.255,436 triệu đồng.

+ Năm 2024: 52.255,436 triệu đồng.

+ Năm 2025: 188.255,436 triệu đồng.

- Nguồn vốn dự kiến cả giai đoạn như sau:

+ Kinh phí Trung ương: 330.000 triệu đồng.

+ Kinh phí địa phương: 1.101.177,180 triệu đồng.

+ Nguồn hợp pháp khác: 90.000 triệu đồng.

## **IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT từng năm của ngành, đơn vị mình theo nhiệm vụ, dự án đã đăng ký tại các Phụ lục của Kế hoạch này; thực hiện triển khai Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.



2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Thực hiện thẩm định các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình; Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Thái Bình và Kế hoạch này. Tăng cường lồng ghép các hoạt động và sử dụng có hiệu quả kinh phí sự nghiệp thông tin và truyền thông, vốn chương trình mục CNTT và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. *✍*

**Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KGVX, TH. *✍*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*✍*  
Nguyễn Quang Hưng



**Phụ lục 01: Danh mục nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 115 /KH-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				Ngũ hq ph kh	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP			
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
I	Thực hiện các nội dung tiếp theo của Đề án: Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình			34.000	5.000							29.000	10.000	
1.1	Tiếp tục xây dựng, chuẩn hóa, chuyển đổi CSDL quan trọng, cốt lõi, dùng chung	Tiếp tục xây dựng CSDL quan trọng, cốt lõi, dùng chung của tỉnh trên các lĩnh vực	Tiếp tục xây dựng, chuẩn hóa, chuyển đổi 15 CSDL quan trọng, cốt lõi, dùng chung của tỉnh	5.000	5.000								10.000	
1.2	Dự án Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình	Tiếp tục triển khai hoàn thiện Dự án Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình	Tiếp tục triển khai các nội dung của Dự án Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình	22.000								22.000		

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				Ng h p l k l	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP			
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
			tử tỉnh Thái Bình											
1.3	Đầu tư, nâng cấp hệ thống sao lưu dữ liệu dự phòng của tỉnh	Đầu tư, nâng cấp hệ thống sao lưu dữ liệu dự phòng	Đầu tư, nâng cấp hệ thống sao lưu dữ liệu dự phòng của tỉnh	5.000								5.000		
1.4	Thiết lập Trung tâm hỗ trợ công dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Đề khai thác, sử dụng các dịch vụ Chính quyền điện tử, đô thị thông minh	Thiết lập Trung tâm hỗ trợ công dân, doanh nghiệp	2.000								2.000		
<b>II</b>	<b>Triển khai các nội dung của Đề án xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình</b>			<b>325.000</b>	<b>275.000</b>	<b>310.000</b>	<b>230.000</b>	<b>170.000</b>	<b>100.000</b>	<b>220.000</b>	<b>200.000</b>	<b>700.000</b>	<b>90</b>	
2.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm giám sát điều hành ĐTTM và xây dựng phần mềm nền tảng Đô	Đầu tư hạ tầng thiết bị CNTT làm nền tảng cho việc xây dựng Đô thị thông minh. Đầu tư phần mềm nền tảng phục vụ xây dựng nền tảng tích hợp, đảm bảo kết nối được dễ dàng và an toàn tất cả các ứng dụng	Đầu tư, lắp đặt hệ thống thiết bị, phần cứng và phần mềm	50.000	50.000	100.000	50.000	50.000	100.000			200.000		



TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				N I P k	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP			
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
	thị thông minh (SCP) tỉnh Thái Bình	thông minh của các lĩnh vực.												
2.2	Đầu tư nâng cấp Hệ thống giám sát, bảo mật an toàn thông tin	Phục vụ giám sát phát hiện và ngăn chặn được các tấn công trên mạng Internet nhằm khai thác các lỗ hổng của các ứng dụng dùng chung của tỉnh và thiết bị tin học trong Trung tâm dữ liệu của tỉnh	Nâng cấp Trung tâm Giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh	20.000	20.000						10.000		30.000	
2.3	Triển khai Hệ thống tin phản ánh hiện trường	Nhằm tiếp nhận, xử lý các thông tin, hình ảnh, video của người dân phản ánh về các vi phạm trên địa bàn đến cho chính quyền và	Xây dựng Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường Tích hợp kết nối với các hệ thống Trung	15.000	15.000						10.000		10.000	10

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				Ng h pl k	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSĐP			
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
		chính quyền thông báo lại cho người dân	tâm điều hành đô thị thông minh											
2.4	Triển khai ứng dụng giám sát dịch vụ Hành chính công	Xây dựng ứng dụng giám sát dịch vụ hành chính công. Cho phép giám sát chất lượng, số lượng dịch vụ hành chính công tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, huyện và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã. Hỗ trợ người dùng theo dõi tiến độ thực hiện chi đạo. Đảm bảo báo cáo tiến độ định kỳ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, huyện và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	20.000	20.000					10.000		30.000		
2.5	Triển khai giám sát thông tin truyền thông, báo chí	Giám sát, kiểm soát thông tin truyền thông, báo chí và mạng xã hội nhằm đưa ra các báo cáo, quyết định về tình hình, dư luận trên mạng xã hội.	Hệ thống hạ tầng, CSDL, phần mềm chuyên dụng cho hệ thống giám sát	10.000	10.000							10.000		10

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				Ng h p l k l	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP			
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
			thông tin truyền thông											
2.6	Xây dựng dịch vụ giáo dục thông minh tỉnh Thái Bình	Thực hiện quản lý, điều hành thông minh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngành Giáo dục và Đào tạo	Hệ thống hạ tầng, phần mềm điều hành và phần mềm chuyên ngành	40.000	40.000	40.000	30.000	30.000		30.000		150.000	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	
2.7	Xây dựng dịch vụ Y tế thông minh tỉnh Thái Bình	Thực hiện quản lý, điều hành thông minh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngành Y tế	Hệ thống hạ tầng, phần mềm điều hành và chuyên ngành Y tế	40.000	30.000	30.000	30.000	20.000		50.000		100.000	Sự nghiệp y tế	
2.8	Xây dựng dịch vụ giám sát Tài nguyên & môi trường tỉnh Thái Bình	Thực hiện quản lý, điều hành thông minh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Ngành Tài nguyên và Môi trường	Nâng cấp trung tâm điều hành vật lý, CSHT, và các phần mềm điều hành và	30.000	20.000	40.000	30.000	30.000		30.000		120.000	Sự nghiệp tài nguyên môi trường	





TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				Ng h pl kl	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP			
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
		trường	chuyên ngành											
2.9	Xây dựng hệ thống nông nghiệp thông minh tỉnh Thái Bình	Thực hiện quản lý, điều hành thông minh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của ngành Nông nghiệp	Phòng điều hành, hạ tầng CNTT, các phần mềm quản lý và chuyên ngành	30.000	20.000	30.000	30.000	10.000		20.000		100.000	Sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn	
2.10	Xây dựng dịch vụ cảnh báo đô thị thông minh	Truyền tải các thông tin như: tình hình tội phạm; các hình thức lừa đảo, thủ đoạn tội phạm mới; hàng giả, hàng kém chất lượng; tình hình ùn tắc và vi phạm giao thông; sự cố điện để nhận biết, đề phòng hoặc có kế hoạch đối phó kịp	Hệ thống CSHT, phần chuyên ngành cho Hệ thống cảnh báo đô thị thông minh			20.000	20.000	10.000		20.000		20.000		10.

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				Ng I P k	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP			
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
		thời												
2.11	Xây dựng dịch vụ giám sát quảng cáo điện tử	Nhằm quản lý các điểm lắp đặt quảng cáo điện tử ngoài trời. Kiểm soát được nội dung của quảng cáo; thời lượng thời gian quảng cáo; tiếp nhận thông tin phản ánh, kiểm tra tình trạng hoạt động của các phương tiện quảng cáo điện tử	Phần mềm quản lý cho dịch vụ giám sát quảng cáo điện tử triển khai trên địa bàn tỉnh			20.000	10.000				10.000		10.000	10
2.12	Xây dựng dịch vụ du lịch thông minh tỉnh Thái Bình	Nhằm hỗ trợ du khách trải nghiệm du lịch; hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch hoạt động hiệu quả và hỗ trợ các	Xây dựng CSHT, phần mềm quản lý và chuyên ngành	30.000	20.000	20.000	20.000	10.000		30.000			70.000	Sự nghiệp văn hóa thể thao và du lịch

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				N I P k
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP		
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
		Cơ quan quản lý du lịch phân tích, dự báo đầy mạnh quảng bá và quản lý hoạt động du lịch;											
2.13	Xây dựng dịch vụ giám sát cảnh báo cháy, cảnh báo cướp	Dữ liệu video giám sát thu thập thông qua hệ thống giám sát hình ảnh camera tập trung thực hiện kết nối đến cơ sở dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực để phục vụ điều hành, xử lý các tình huống cảnh báo cháy, cảnh báo cướp	Xây dựng CSHT, phần mềm quản lý và chuyên ngành để giám sát cảnh báo cháy, cảnh báo cướp trên địa bàn tỉnh Thái Bình			10.000	10.000	10.000				20.000	10
2.14	Hệ thống giám sát,	Nhằm giám sát, điều hành giao	Đầu tư hoặc thuê thiết bị,	40.000	30.000							30.000	40

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				Ng h pl kl	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP			
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
	điều hành giao thông và an ninh, trật tự công cộng của tỉnh Thái Bình	thông thông minh và an ninh, trật tự công cộng của tỉnh Thái Bình	đường truyền, dịch vụ vận hành của hệ thống											
III	<b>Các nội dung theo Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định 47/2020/NĐ-CP kết hợp triển khai chương trình chuyển đổi số của tỉnh (Chi tiết theo Kế hoạch phê duyệt của UBND tỉnh)</b>			45.500	32.000	24.000	13.000	9.000		10.000	20000	93.500		
3.1	<b>Quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ và khai thác dữ liệu</b>			39.000	26.000	21.000	12.000	8.000		10.000	20.000	76.000		
3.1.1	Thực hiện thu thập, thẩm định để chia sẻ dữ liệu tỉnh Thái Bình	Nhằm kiểm tra, đánh giá dữ liệu chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh Thái Bình	Thu thập, thẩm định dữ liệu đã thu thập; Ban hành Danh mục CSDL trong toàn tỉnh	15.000						10.000		5.000		
3.1.2	Tiếp tục tạo lập dữ liệu	Tiếp tục thực hiện tạo lập các	Tiếp tục tạo lập dữ liệu chuyên	6.000	18.000	13.000	5.000	2.000				44.000	Nguồn sự	

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025			
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP	
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp
	chuyên ngành	cơ sở dữ liệu chuyên ngành	ngành của các ngành thuộc tỉnh									ngành của các ngành
3.1.3	Tiếp tục chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu chuyên ngành	Đề hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh để tích hợp, chia sẻ và kết nối phục vụ khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung của tỉnh	Tiếp tục thực hiện chuẩn hóa, chuyển đổi các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	2.000	2.000	3.000	3.000	2.000				12.000
3.1.4	Kiểm tra, đánh giá, cập nhật, duy trì dữ liệu của các ngành	Kiểm tra, đánh giá, cập nhật, duy trì dữ liệu của các ngành thường xuyên	Cập nhật, duy trì dữ liệu bằng nguồn kinh phí sự nghiệp của các ngành	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000				5.000 Nguồn sự nghiệp của các ngành
3.1.5	Phân tích, tổng hợp dữ liệu	Phục vụ hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước	Dùng AI để phân tích, tổng hợp dữ liệu			4.000	3.000	3.000				10.000
3.1.6	Đầu tư bổ sung thiết bị cho Trung tâm THDL	Đề bảo đảm khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu	Đầu tư bổ sung thiết bị cho Trung tâm THDL bảo đảm khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu	15.000	5.000						20.000	



TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				N I P k	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP			
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
3.2	<b>Xây dựng danh mục dữ liệu mở và bảo đảm khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu mở</b>			6.000	1000	1000						8.000		
3.2.1	Ban hành Danh mục dữ liệu mở của địa phương	Tổng hợp, ban hành Danh mục dữ liệu mở của địa phương	Ban hành Danh mục, Xây dựng ứng dụng và cung cấp Dữ liệu mở (Open Data)											
3.2.2	Xây dựng ứng dụng và cung cấp Dữ liệu mở (Open Data)	Xây dựng, tạo lập các hệ thống dữ liệu mở (Open data) về: quy hoạch, dự án đầu tư, đấu thầu, chỉ tiêu ngân sách, khoa học, du lịch, văn hóa....	Xây dựng, tạo lập các hệ thống dữ liệu mở (Open data)	5.000								5.000		
3.2.3	Thực hiện nâng cấp, chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu mở	Thực hiện nâng cấp, chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu mở đang triển khai để bảo đảm khả năng tiếp nhận, kết nối, chia sẻ dữ liệu mở trong toàn tỉnh	Thực hiện nâng cấp, chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu mở	1.000	1.000	1.000						3.000		
3.3	<b>Tổ chức và thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.</b>			500	5.000	2000	1000	1000				9.500		

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				N I P k
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP		
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
3.3.1	Xây dựng Ứng dụng quản lý khai thác kho dữ liệu	Phát triển ứng dụng tương tác, cơ quan chính quyền với người dân, các cơ quan nhà nước với nhau, nội bộ trong các cơ quan.	Phát triển ứng dụng tương tác, cơ quan chính quyền với người dân, các cơ quan nhà nước với nhau, nội bộ trong các cơ quan.		5.000							5.000	
3.3.2	Xây dựng, hoàn thiện các dịch vụ chia sẻ	Phát triển các dịch vụ chia sẻ, ứng dụng trên thiết bị di động	Phát triển các dịch vụ chia sẻ, ứng dụng trên thiết bị di động			2.000	1.000	1.000				4.000	
3.3.3	Tư vấn xây dựng Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thái Bình	Đề hoàn thiện, ban hành Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thái Bình	Tư vấn xây dựng Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thái Bình	500								500	
IV	Thực hiện bằng nguồn vốn sự nghiệp các nhiệm vụ dùng chung của toàn tỉnh (ngoài DABT) bố trí hàng năm để thuê dịch vụ CNTT			9255,436	9255,436	9255,436	9255,436	9255,436				46.277,15	

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				N F I
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP		
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	
4.1	Thuế Dịch vụ Hội nghị truyền hình	Thuế Dịch vụ Hội nghị truyền hình tại VPUBND tỉnh và 08 UBND các huyện, thành ph	Thuế Dịch vụ Hội nghị truyền hình tại 09 điểm cầu	997,656	997,656	997,656	997,656	997,656				4.988,28	
4.2	Thuế dịch vụ vận hành, triển khai Công dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Để triển khai thực hiện DVCTT mức độ 3, 4 từ tỉnh đến xã theo đúng các nội dung tại Quyết định 2339/QĐ-UBND ngày 17/9/2018	Đảm bảo Công dịch vụ công trực tuyến kết nối với Cổng DVC quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư và công thanh toán quốc gia	1.122	1.122	1.122	1.122	1.122				5.610	
4.3	Thuế triển khai Hệ thống tin phục vụ hợp và xử lý công việc	Đáp ứng các yêu cầu hội họp của UBND tỉnh và của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện	Kết nối liên thông với Mạng Văn phòng điện tử liên thông để tra cứu tức thời các văn bản có liên quan	500	500	500	500	500				2.500	
4.4	Thuế Triển khai Hệ thống	Đáp ứng các Quy định chế độ báo cáo định	Đáp ứng các Quy định chế độ báo cáo định kỳ và kết nối	500	500	500	500	500				2.500	





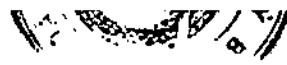
TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				Ng t p k	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP			
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
	thông tin báo cáo của tỉnh	kỷ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình	với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ											
4.5	Thuê thiết bị, kênh truyền, dịch vụ vận hành triển khai hệ thống Camera thông minh thực hiện giám sát giao thông, an ninh của thành phố Thái Bình và tại 5 cửa ngõ của tỉnh	Để thực hiện giám sát giao thông, an ninh của thành phố Thái Bình và tại 5 cửa ngõ của tỉnh giai đoạn 2020-2025	Thực hiện giám sát giao thông, an ninh của thành phố Thái Bình và tại 5 cửa ngõ của tỉnh giai đoạn 2020-2025	6.135,78	6.135,78	6.135,78	6.135,78	6.135,78					30.678,87	
<b>V</b>	<b>Dự án nhiệm vụ của các ngành</b>			<b>2.000</b>	<b>1.000</b>								<b>3.000</b>	
5.1	Số hóa hồ sơ quy hoạch và xây dựng	Số hóa hồ sơ quy hoạch và xây dựng ứng dụng phục vụ	Số hóa toàn bộ khoảng 40.000 hồ sơ quy hoạch xây dựng	2.000	1.000								3.000	

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				N l P t	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP			
									Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp		
	ứng dụng phục vụ quản lý quy hoạch	quản lý quy hoạch	ứng dụng phục vụ quản lý quy hoạch											
	<b>TỔNG CỘNG</b>			415.755,436	322.255,436	343.255,436	252.255,436	188.255,436	100.000,000	230.000,000	249.000,000	852.777,180	90.	

**Phụ lục 02: Danh mục nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn vốn sự nghiệp trong giai đoạn của các cơ quan, đơn vị**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 115 /KH-UBND ngày 16 tháng 1 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)					Nguồn vốn dự kiến			Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	Nguồn vốn XHH	
<b>Tổng</b>				5099,763	3280,508	2297,4	2663,4	3101				
<b>I. Sở Công Thương</b> (các nội dung XD CSDL đưa vào nhiệm vụ chung của tỉnh)												
1	Bảo dưỡng, duy trì dịch vụ hệ thống mạng LAN tại cơ quan	Bảo dưỡng, duy trì dịch vụ hệ thống mạng LAN tại cơ quan	Hoạt động nội bộ	90	90	100	100	150		Nguồn chi thường xuyên		Bổ trí hàng năm
<b>II. Sở Giao thông Vận tải</b>												
	Mua máy tính để bàn, cài đặt phần mềm nâng cấp	Thay thế các máy tính cũ, đảm bảo có thể cài đặt, vận hành các ứng dụng, hệ thống phần mềm mới phục vụ		164	144	132				Nguồn sự nghiệp giao thông vận tải		



TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)					Nguồn vốn dự kiến			Ghi chú	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	Nguồn vốn XHH		
		cho công tác chuyên môn											
	Mua máy chủ, nâng cấp thiết bị mạng	Thay thế máy chủ đã quá cũ, nâng cấp một số thiết bị mạng đảm bảo đường truyền thông suốt, đảm bảo an toàn thông tin		150							Nguồn sự nghiệp		
	Mua 01 máy in Giấy phép lái xe 2 mặt	Đáp ứng yêu cầu công tác cấp, đổi Giấy phép lái xe		350							Nguồn sự nghiệp		
<b>III. Sở Nội Vụ</b>													
2	Đề án Số hóa tài liệu lưu trữ tại Kho lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Bình giai đoạn 1933-2007	Tài liệu lưu trữ được số hóa đảm bảo chất lượng, xây dựng Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ	- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phần cứng, phần mềm. - Chuyển đổi, cập	550							Nguồn sự nghiệp		Đề án chuyển tiếp



TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)					Nguồn vốn dự kiến			Ghi ch	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	Nguồn vốn XHH		
1	Cải tạo, thay thế, nâng cấp hệ thống mạng cơ quan: Hệ thống mạng nội bộ, máy tính, máy in, mạng không dây, máy photocopy, điện thoại nội bộ, bảng thông báo điện tử	Thay thế hệ thống máy tính, máy in cấu hình thấp từ năm 2009; máy photocopy đã hỏng, hệ thống CNTT khác phục vụ nhu cầu công việc: Hệ thống điện thoại nội bộ, bảng thông báo điện tử	Nội bộ cơ quan	850						Nguồn đầu tư			
<b>VI. Sở Lao động Thương binh và Xã hội (các nội dung XD CSDL đưa vào nhiệm vụ chung của tỉnh)</b>													
1	Phát triển mạng lưới thông tin việc làm, CSDL người tìm việc, việc tìm người	Kết nối nhu cầu sử dụng lao động và việc làm người lao động		500	500	600	600	700		CTMT			

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)					Nguồn vốn dự kiến			Ghi ch
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	Nguồn vốn XHH	
2	Quản lý bảo hiểm thất nghiệp	Quản lý người hưởng BHTN		1,000	1,200	1,200	1,200	1,500				
3	Hệ thống báo cáo, thống kê tai nạn lao động, tư vấn hỗ trợ pháp luật ATVSLĐ đối với người lao động	Quản lý người bị TNLĐ và tư vấn pháp luật ATVSLĐ		1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	CTMT			
4	Lắp đặt trang thiết bị phòng họp trực tuyến	Quản trị mạng		200	50	50				Nguồn sự nghiệp		
5	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý các đối tượng bảo trợ xã hội của tỉnh Thái Bình	Xây dựng phần mềm quản lý các đối tượng bảo trợ xã hội		1.200	1,200	1.000	700	772		Nguồn sự nghiệp		



TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)					Nguồn vốn dự kiến			Ghi chú	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	Nguồn vốn XHH		
6	Xây dựng hệ thống Thẻ An sinh điện tử phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ Người có công trên địa bàn Tỉnh Thái Bình	Xây dựng Hệ thống Thẻ An sinh điện tử phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ Người có công trên địa bàn Tỉnh Thái Bình với một số chức năng như sau: Quản lý đồng nhất	Hệ thống An sinh điện tử phục vụ các hoạt động quản lý đối với 12 đối tượng Người có công, 52.000 hồ sơ người có công và thân nhân được hưởng trợ cấp hàng tháng; 286 điểm	7.000	5.000	6.000				Nguồn Trung ương			
<b>VII. Sở Tài chính</b>													
1	Đề án phát triển công nghệ thông tin ngành Tài chính Thái Bình giai đoạn 2021-2025 và định	Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các cấp, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử đồng bộ, kết	Thực hiện giải pháp hiện đại hóa công tác quản lý tài chính ngân sách Thái Bình.										Đang triển khai xây dựng theo Công văn 2548/U

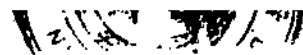


TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)					Nguồn vốn dự kiến			Ghi chú	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	Nguồn vốn XHH		
	hướng đến năm 2030	nổi, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.											ND-KTTC ngày 29/5/2000 của UBND tỉnh
<b>VIII. Sở Tư pháp</b>													
1	Xây dựng chuyên trang thông tin phổ biến giáo dục pháp luật	Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác PBGDPL	- Tài liệu giới thiệu các văn bản pháp luật mới ban hành; -Hỏi đáp hoặc tư vấn pháp luật trực tuyến; - Các nội dung khác phù hợp với nhu cầu công tác PBGDPL của từng cơ quan.	50									Nguồn sự nghiệp

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)					Nguồn vốn dự kiến			Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	Nguồn vốn XHH	
2	Duy trì công thông tin điện tử của Sở	Đăng tải tin tức, sự kiện....		60	60	60	60	60		Nguồn sự nghiệp		
<b>X. Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>												
1	Chuẩn hóa dữ liệu, số hóa tài liệu hồ sơ ĐKKD, hồ sơ cán bộ công chức, viên chức			50							Nguồn sự nghiệp	
2	Nâng cấp, sửa chữa, trang bị mới các thiết bị, phần mềm ứng dụng, mua bản quyền phần mềm chuyên ngành thiết yếu phục vụ			250							Nguồn sự nghiệp	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)					Nguồn vốn dự kiến			Ghi chú	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	Nguồn vốn XHH		
	nhu cầu ứng dụng CNTT												
3	Mua sắm lắp đặt hệ thống camera phục vụ quản lý, giám sát an ninh			150							Nguồn sự nghiệp		
<b>XI. Sở Văn hóa</b> (các nội dung XD CSDL đưa vào nhiệm vụ chung của tỉnh)													
1	Cải tạo, thay thế, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ, phòng máy chủ, máy tính, máy in, mạng không dây, máy photocopy, điện thoại nội bộ, bảng	Thay thế hệ thống máy tính, máy in cấu hình thấp từ năm 2010; máy photocopy đã hỏng, hệ thống CNTT khác phục vụ nhu cầu công việc: Hệ	Nội bộ cơ quan	250	100	100	100	100			Nguồn sự nghiệp		Năm 2021 nâng cấp hệ thống mạng LAN nội bộ

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)					Nguồn vốn dự kiến			Ghi chú	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	Nguồn vốn XHH		
	thông báo điện tử	thông điện thoại nội bộ, bảng thông báo điện tử											
2	Duy trì, nâng cấp, thuê đường truyền, kỹ thuật thường trực, trả thù lao cộng tác viên viết bài cho cổng thông tin du lịch thông minh của tỉnh	Duy trì, nâng cấp, thuê đường truyền, kỹ thuật thường trực, trả thù lao cộng tác viên viết bài cho cổng thông tin du lịch thông minh của tỉnh	Toàn tỉnh	300	300	300	300	300		Nguồn sự nghiệp			Đề nghị tỉnh cấp ngân sách bổ sung cho ngành
<b>Đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa</b>													
1	Cải tạo, thay thế, nâng cấp hệ thống mạng cơ quan: Hệ thống mạng nội bộ, máy tính, máy in, mạng không dây, máy photocopy.	Thay thế hệ thống máy tính, máy in cấu hình thấp từ năm 2008; mua máy photocopy, hệ thống CNTT khác phục vụ nhu	Nhà hát chèo	100	45	45	50	65		Nguồn sự nghiệp			Năm 2021 nâng cấp hệ thống mạng LAN và hệ thống máy tính, photocopy.



TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)					Nguồn vốn dự kiến			Ghi chú	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	Nguồn vốn XHH		
		câu công việc:											
2	Cải tạo, thay thế, nâng cấp hệ thống mạng cơ quan: Hệ thống mạng nội bộ, máy tính, máy in, mạng không dây	Nâng cấp, thay thế hệ thống máy tính, máy in cấu hình thấp hệ thống Mạng LAN, mạng WAN phục vụ nhu cầu công việc	Trung tâm văn hóa tỉnh	100	50	50	50	50		Nguồn sự nghiệp			Năm 2021 nâng cấp hệ thống mạng LAN nội bộ
3	Nâng cấp, bảo trì và thay thế hệ thống máy chủ	Nâng cấp, bảo trì và thay thế hệ thống máy chủ	Thư viện KHTH		150			150		Nguồn sự nghiệp			
4	Nâng cấp, bảo trì phần mềm thư viện ILIB6.0 và website thư viện tỉnh	Nâng cấp, bảo trì phần mềm thư viện ILIB6.0 và website thư viện tỉnh	Thư viện KHTH		150			150		Nguồn sự nghiệp			
5	Nâng cấp, bảo trì hệ thống máy scan, hệ	Nâng cấp, bảo trì hệ thống máy scan, hệ	Thư viện KHTH		50	50	50	150		Nguồn sự nghiệp			



TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)					Nguồn vốn dự kiến			Ghi chú	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	Nguồn vốn XHH		
	thông công kiểm soát chip RFID	thông công kiểm soát chip RFID											
6	Cải tạo, thay thế, nâng cấp hệ thống mạng cơ quan: Hệ thống mạng nội bộ, máy tính, máy in, mạng không dây, máy photocopy, điện thoại nội bộ, bảng thông báo điện tử	Thay thế hệ thống máy tính, máy in cấu hình thấp; mua mới máy photocopy, hệ thống camera, Mua mới bảng điện tử trước cơ quan, hệ thống CNTT khác phục vụ nhu cầu công việc: Hệ thống điện thoại nội bộ	Bảo tàng tỉnh	150	50	50	50	50		Nguồn sự nghiệp			Năm 2021 nâng cấp hệ thống mạng LAN nội bộ
XII	Sở Y tế (các nội dung khác thuộc Y tế thông minh)												

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)					Nguồn vốn dự kiến			Ghi chú	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	Nguồn vốn XHH		
1	Hệ thống bảo mật an ninh mạng	Triển khai đến các đơn vị sự nghiệp trực thuộc trong ngành		5.000	5.000	5.000					Nguồn sự nghiệp		
2	Hệ thống giao ban trực tuyến	Triển khai đến các đơn vị sự nghiệp trực thuộc trong ngành		5.000	10.000						Nguồn sự nghiệp		

### I. Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ

1	Duy trì, cập nhật Công TTĐT huyện và Công TTĐT các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	UBND huyện	Đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử	550	550	550	550	550			Nguồn sự nghiệp		
2	Đầu tư phát triển hệ thống họp trực tuyến toàn huyện	UBND huyện	Đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử	550	350	350	350	350			Nguồn sự nghiệp		



3	Tiếp tục tập huấn cán bộ công chức sử dụng CTS trong mọi giao dịch điện tử	UBND huyện	Đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử	50	50	50	50	50		Nguồn sự nghiệp		
4	Tiếp tục tập huấn cán bộ công chức sử dụng các PM DVCTT, báo cáo thống kê ....	UBND huyện	Đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử	100	100	100	100	100		Nguồn sự nghiệp		
5	Triển khai chữ ký số trong giao dịch tại Bộ phận một cửa đẩy mạnh phát triển giải quyết hồ sơ theo PA 5 tại chỗ	UBND huyện	Đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử	150	150	150	150	150		Nguồn sự nghiệp		



## II. Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy

1	Nâng cấp trang thiết bị CNTT	Đảm bảo các thiết bị đáp ứng được yêu cầu ứng dụng CNTT trong xây dựng chính quyền điện tử	Thay mới hoặc sửa chữa các thiết bị đã hỏng hoặc cũ không sử dụng được	200	300								Nguồn sự nghiệp	
2	Nâng cấp trang thiết bị CNTT	Đảm bảo thiết bị đáp ứng được yêu cầu ứng dụng CNTT trong xây dựng CQĐT	Trang bị mới, sửa chữa thiết bị còn dùng được	1.000	1.000	1.000	1.000							Nguồn sự nghiệp
3	Nâng cấp, bổ xung trang thiết bị dạy và học trong các trường học	Đảm bảo việc dạy và học trong nhà trường	Đầu tư mới	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000						Nguồn sự nghiệp

## III. Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà

1	Phối hợp với STTTT thực hiện việc chuyên đổi việc sử dụng IPV4 sang IPV6	Nâng cấp hạ tầng viễn thông nhằm phát triển Chính quyền điện tử, đảm bảo ATTT, AT an ninh mạng	Các DV có kết nối Internet, mạng diện rộng (Wan) trên toàn huyện	350	350	350	350	350						Nguồn sự nghiệp
---	--	--	--	-----	-----	-----	-----	-----	--	--	--	--	--	-----------------

2	Phối hợp với STTTT hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố ATTT mạng tại cơ quan, đơn vị	Đảm bảo bí mật thông tin, hệ thống mạng thông suốt	Các DV có kết nối Internet, mạng diện rộng (Wan) trên toàn huyện	50	50	50	50	50		Nguồn sự nghiệp		
3	Tập huấn CBCC, Kế toán sử dụng chứng thư số để giao dịch DVCTT kho bạc Nhà nước	100 % Các cá nhân, tổ chức sử dụng tốt kỹ năng giao dịch	Đẩy mạnh Chính quyền điện tử trong giao dịch tài chính	35	35	35	35	35		Nguồn sự nghiệp		
4	Tiếp tục tập huấn CBCC sử dụng phần mềm DVCTT tiếp nhận hồ sơ mức độ 3, 4 và sử dụng chứng thư số trong gửi văn bản trong môi trường mạng	Đạt tỷ lệ theo yêu cầu mục tiêu đề ra trong thực hiện hành chính công trực tuyến	Đẩy mạnh chính phủ điện tử và CCHC	45	45	45	45	45		Nguồn sự nghiệp		
5	Tập huấn triển khai cài đặt ứng dụng chữ ký số chuyên của Ban cơ yếu Chính phủ trong ban hành văn bản điện tử của cơ quan Nhà nước	100% cơ quan, đơn vị trong cơ quan Nhà nước sử dụng chữ ký số của Ban cơ yếu trong ban hành văn bản điện tử	Đẩy mạnh chính phủ điện tử và CCHC	50	20	20	20	20		Nguồn sự nghiệp		

**IV. Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương**

1	Quản lý, duy trì, đảm bảo sự thông suốt hệ thống CNTT trong hoạt động cơ quan NN	Đảm bảo thông suốt hệ thống CNTT trong hoạt động điều hành quản lý trong cơ quan NN.	Các phòng, ban, ngành, địa phương.	35	35	35	35	35		Nguồn sự nghiệp		
2	Hiện đại hóa thông tin điều hành, quản lý các cơ quan Đảng, chính quyền huyện với các xã, thị trấn	Đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn	Các cơ quan, đơn vị của UBND huyện và 33 xã, thị trấn	150	150	150	150	150		Nguồn sự nghiệp		
3	Bổ sung và thay thế trang thiết bị để xây dựng Chính quyền điện tử các cấp và đô thị thông minh tỉnh Thái Bình	Đảm bảo an toàn thông tin, thông suốt hệ thống CNTT trong hoạt động điều hành quản lý trong các cơ quan NN	Các cơ quan, đơn vị của UBND huyện và 33 xã, thị trấn	100	100	100	100	100	Nguồn đầu tư			

### V. Ủy ban nhân dân Thành phố

1	Đầu tư cơ sở vật chất triển khai hợp trực tuyến giữa các cơ quan nhà nước thuộc thành phố ..	Phục vụ nhu cầu giải quyết công việc	Đầu tư cơ sở vật chất triển khai hợp trực tuyến tới các phường, xã trên địa bàn	500	400	400	300	200			Nguồn sự nghiệp	
2	Bổ sung, nâng cấp, lắp đặt cơ sở hạ tầng ứng dụng CNTT	Phục vụ nhu cầu giải quyết công việc	Tại trụ sở cơ quan UBND thành phố	400	300	300	250	200			Nguồn sự nghiệp	
3	Mở các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức: Sử dụng chứng thư số trong mọi giao dịch điện tử; sử dụng các phần mềm dịch vụ công trực tuyến, báo cáo thống kê.	Phục vụ nhu cầu giải quyết công việc	Tại trụ sở cơ quan UBND thành phố	200	200	200	200	200			Nguồn sự nghiệp	